

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23- 4- 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.
2. Ông Nguyễn Đình Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Minh Tr, sinh 1982. Cư trú: Ấp Long P, xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- có đơn xin vắng mặt đề ngày 16/10/2018.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc Sang- Văn Phòng Luật sư số 7, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 173, Nguyễn Trãi, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Phạm Thị Thúy D, sinh 1984. Cư trú: Ấp Long P, xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/12/2018 nguyên đơn Phạm Minh T trình bày:

Do quen biết nhau nên anh Phạm Minh T và chị Phạm Thị Thúy D cưới nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 30/8/2016, anh chị D được cấp giấy chứng nhận kết hôn số

04/2006. Lúc đầu anh chị sống hạnh phúc. Sau đó mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp tính tình, không tình cảm. Anh T đã ly thân với chị D từ ngày 15/7/2017 đến nay. Anh T khởi kiện xin ly hôn với chị D.

Anh Trị và chị Duy có hai con chung là cháu gái tên Phạm Khánh H, sinh ngày 15/7/2009 và cháu gái tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/3/2012. Hiện nay cháu Khánh H và cháu Ngọc H đang sống chung với chị D tại ấp Long P, xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Khi ly hôn anh T thống nhất giao chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh H và cháu Ngọc H. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Khánh H và cháu Ngọc H mỗi tháng 2.000.000đ/cháu. Anh T không yêu cầu chia tài sản chung. Anh T xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử vụ án.

Tại biên bản ngày 28/12/2018, bị đơn Phạm Thị Thúy D trình bày:

Chị D thừa nhận lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân và con chung là đúng. Do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài nên anh T xin ly hôn chị D. Chị D đồng ý ly hôn với anh T. Chị D đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khánh H và cháu Ngọc H. Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng. Chị D không yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T giữ nguyên kiến và yêu cầu của anh T. Chị D đồng ý theo yêu cầu của anh T.

Kiểm sát viên xác định:

Về tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng; thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định. Thẩm phán thực hiện thu thập chứng cứ đúng quy định từ Điều 93 đến Điều 9; thông báo thụ lý giải quyết vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196; thụ lý giải quyết vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203; tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 170 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 09, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Nghị Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn nộp 300.000đ án phí hôn nhân và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Anh Phạm Minh T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Phạm Thị Thúy D, có địa chỉ tại ấp Long P, xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết sơ thẩm, xác định vụ án ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn Phạm Minh T có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa, nên không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Trị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh không khắc phục mà dẫn đến ly thân nhau. Anh T xin ly hôn với chị

D. Chị D đồng ý ly hôn với anh T. Cho thấy mục đích hôn nhân giữa anh T và chị D không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Anh T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân nên có căn cứ chấp nhận.

2.2. Anh T và chị D có hai con chung là Phạm Khánh H, sinh ngày 15/7/2009 và Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/3/2012. Cháu Khánh H và cháu Ngọc H đều trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng sống với chị D. Anh T và chị D thỏa thuận, giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Khánh H và cháu Ngọc H sau khi ly hôn, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị D, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu Khánh H và cháu Ngọc H, phù hợp với khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

2.3. Khi ly hôn, anh T và chị D không yêu cầu chia tài sản, nên không xét.

2.4. Lời bào chữa của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn Phạm Minh T là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Minh T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Phạm Thị Thúy D.

2. Về quan hệ con chung:

Giao chị Phạm Thị Thúy D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 15/7/2009 và cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/3/2012.

Anh Phạm Minh T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Khánh H và cháu Phạm Ngọc H. Mức cấp dưỡng mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng (hai triệu trên tháng

trên cháu). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến ngày cháu Phạm Khánh H đủ 18 tuổi, cháu Phạm Ngọc H đủ 18 tuổi.

Trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Trị phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về chia tài sản chung khi ly hôn:

Không xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Buộc anh Phạm Minh T nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình. Anh T được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 04/12/2018, lai số 0006758. Anh T không phải nộp thêm.

5.2. Buộc anh Phạm Minh T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt bị đơn Phạm Thị Thúy D, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn Phạm Minh T vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- CC THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Long M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh